

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**BÙI CÔNG MINH**

**VỊ TRÍ VĂN HỌC SỬ CỦA NAM CAO  
TRONG TRÀO LƯU VĂN HỌC HIỆN THỰC VIỆT NAM  
TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN 1945**

Chuyên ngành: **VĂN HỌC VIỆT NAM**  
Mã số : 62.22.3401

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

**Hà Nội - 2010**

Công trình được hoàn thành tại Bộ môn Văn học Việt Nam  
Khoa Ngữ Văn - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

---

Người hướng dẫn khoa học:  
GS. NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Phản biện 1: GS.TS Mã Giang Lân - Trường Đại học Khoa học  
Đại học Quốc gia Hà Nội

Xã hội và Nhân văn -

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Đăng Điệp – Viện Văn học

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Phong Nam - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước họp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm đọc luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

**SÁCH :** Nguyễn Đăng Mạnh-Nguyễn Thị Bình-Bùi Công Minh-Trần Đăng Xuyên (Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên), *Các nhà văn nói về văn* (2 tập), NXB Tác phẩm mới, H.1984 (T.1), 1985 (T2).

### **CÁC BÀI NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI:**

1. Bùi Công Minh (1996), “Nghĩ về nhà văn Nam Cao, một nhân cách, một phong cách”, Tạp chí Công tác *Tư tưởng và Văn hoá*, số 12, tr. 24 - 25.
2. Bùi Công Minh (1997), “Vài khía cạnh lý luận rút ra từ sáng tác của nhà văn Nam Cao”, Tạp chí *Sinh hoạt lý luận* (Phân viện II Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), số 1(19), tr.54-56
3. Bùi Công Minh (1997), “Về đoạn kết của tác phẩm Chí Phèo.”, Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, số 1(296), tr.14 và tr.19.
4. Bùi Công Minh (2008), “Về chủ nghĩa hiện thực tâm lý trong sáng tác của nhà văn Nam Cao”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 5(28), tr.106-110.
5. Bùi Công Minh (2008), “Vấn đề trí thức và nhân vật trí thức tiểu tư sản trước Cách mạng tháng Tám trong tác phẩm của nhà văn Nam Cao”, Tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực III, số 6(91), tr.66-70.

## MỞ ĐẦU

### 0.1. Lý do chọn đề tài

0.1.1. Nam Cao (1917-1951) là một trong những đại biểu xuất sắc của trào lưu văn học hiện thực phê phán ở nước ta từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945 đồng thời cũng là một trong số những cây bút văn xuôi lớn nhất của Việt Nam thế kỉ XX. Sáng tác của ông thu hút mạnh mẽ sự quan tâm của nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu thuộc những lĩnh vực khác nhau của khoa học ngữ văn, bao gồm cả lịch sử văn học, lí luận văn học và ngôn ngữ học. Điều đó tạo nên cảm giác, hình như chẳng còn gì để bàn lại, để nói thêm. Tuy nhiên, thực tiễn đã chứng minh, những hiện tượng văn học lớn có sức sống vượt qua thử thách của thời gian, bao giờ cũng có khả năng gợi mở nhiều vấn đề, trên nhiều phương diện.

0.1.2. Trong số những nội dung đặt ra cần tiếp tục tìm lời giải đáp có vấn đề về *vị trí văn học sử* của Nam Cao. Đến nay, hầu như tất cả các nhà nghiên cứu đều ghi nhận sự xuất hiện của ông đã tạo ra một *bước ngoặt* quan trọng trong lịch sử văn xuôi hiện đại Việt Nam. Nhưng *bản chất* của bước ngoặt ấy là gì? Vấn đề là ở chỗ cần xác định giá trị *tư tưởng sáng tạo* của nhà văn và *mức độ cách tân nghệ thuật* của nhà văn ấy thông qua việc đặt sáng tác của ông ta vào dòng chảy của tiến trình văn học. Xuất phát từ đó, luận văn chọn đề tài *Vị trí văn học sử của Nam Cao trong trào lưu văn học hiện thực Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945* làm đối tượng nghiên cứu.

0.1.3. Nam Cao còn là tác gia lớn được giảng dạy ở các cấp học, từ phổ thông đến đại học. Các kết luận được đề xuất trong luận văn mong muốn góp vào tài liệu tham khảo cho các nhà giáo về một hướng nhìn khi tiếp cận, phân tích, đánh giá tác phẩm, sự nghiệp văn học của Nam Cao nói riêng và các nhà văn khác trong trào lưu văn học hiện thực Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945 trong nhà trường.

### 0.2. Lịch sử vấn đề

#### 0.2.1. Trước Cách mạng tháng Tám 1945

Gần 10 năm viết văn trước Cách mạng, Nam Cao hầu như không có vị trí gì trên văn đàn đương thời. Chỉ đến khi tác phẩm *Chí Phèo* (lúc đầu có tên *Đôi lứa xứng đôi*) ra đời (1941), lần đầu tiên vị trí Nam Cao mới được phát hiện và giới thiệu qua bài Tựa “*Đôi lứa xứng đôi*” của Lê Văn Trương (1941).

#### 0.2.2. Từ 1945 đến 1955

Vị trí của Nam Cao với tư cách là nhà văn đã hoà lẫn trong vị trí của người cán bộ kháng chiến. Hai bài viết đáng chú ý trong giai đoạn này của các nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi đã khẳng định vị trí Nam Cao trong đội ngũ những nhà văn sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám 1945 đi theo kháng chiến; đồng thời đã có những đánh giá bước đầu về vị trí tác phẩm Nam Cao, coi *Chí Phèo* là tác phẩm “nổi bật lên, thật xuất sắc”.

#### 0.2.3. Từ 1955 đến những năm đầu thập kỷ 70 (thế kỷ XX)

Từ 1955 đến những năm 60 (thế kỷ XX) là thời kỳ chững lại trong cách hiểu, cách đánh giá vị trí Nam Cao. Bộ sách *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* do nhóm Lê Quý Đôn biên soạn không có những đoạn phân tích riêng về Nam Cao, chưa nói đến việc có chương riêng về ông. Sách giáo khoa trung học phổ thông biên soạn lần đầu ở miền Bắc (1956) không có tên Nam Cao bên cạnh các nhà văn hiện thực khác. Tác giả cuốn *Sơ thảo lịch sử*

văn học Việt Nam 1930-1945 xuất bản năm 1964 đánh giá tác phẩm *Sống mòn* là trường hợp tiêu biểu cho sự "lụi tàn", "bế tắc" của khuynh hướng văn học hiện thực.

Từ những năm 60 (thế kỷ XX), vị trí Nam Cao được chú ý với việc in lại một số tác phẩm chính của ông như *Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao* (1960), tập truyện *Một đám cưới...* cộng với một số hồi ký, bài nghiên cứu, một số chuyên luận và giáo trình Đại học. Đáng chú ý là chuyên luận của Hà Minh Đức: "Nam Cao- nhà văn hiện thực xuất sắc" (1961); chương viết riêng về Nam Cao trong giáo trình Đại học tổng hợp của Phan Cự Đệ (1961). Lần đầu tiên Nam Cao được nghiên cứu một cách tương đối toàn diện và có hệ thống. Luận văn đi qua các bài viết tiêu biểu của các nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình như Lê Đình Ky, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Huệ Chi - Phong Lê... ở miền Bắc và các tác giả ở miền Nam lúc đó như Nguyễn Văn Trung, Vũ Bằng, nêu ra những yếu tố quan trọng, có ý nghĩa chi phối toàn bộ sáng tác Nam Cao, tìm thấy ở Nam Cao vị trí của một "nhà văn lớn". Tuy nhiên, các tác giả chưa có điều kiện so sánh đối chiếu đầy đủ để tìm ra những đặc sắc, độc đáo làm nên vị trí nổi bật của Nam Cao.

#### 0.2.4. Những năm 70 (thế kỷ XX) trở lại đây và thời kỳ "Nghĩ tiếp về Nam Cao"

Đây là thời kỳ vị trí Nam Cao được khẳng định mạnh mẽ với nhiều phân tích thấu đáo. Ông được đánh giá là "người đại diện tiêu biểu nhất của trào lưu hiện thực phê phán trong thời kỳ phát triển cuối cùng" (Giáo trình *Lịch sử văn học Việt Nam* tập V - Đại học Sư phạm Hà Nội -1973); là "nhà văn tiêu biểu của trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1940-1945", "và cũng là cây bút lớn nhất của trào lưu văn học này" (*Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam 1930-1945* xuất bản năm 2000). *Sống mòn* cũng được đánh giá là "thành công xuất sắc" của trào lưu hiện thực phê phán trước cách mạng; và *Chí Phèo* là "một kiệt tác". Qua các lần làm Tuyển tập (1976, 1977, 1987), và qua các Hội thảo lớn, giới nghiên cứu đã dành nhiều tâm huyết cho vấn đề vị trí văn học sử của Nam Cao qua những ý kiến đánh giá như: "Vị trí văn học sử của nhà văn (Nam Cao) hết sức lớn" (Nguyễn Hoàng Khung); "Nam Cao và Vũ Trọng Phụng, mỗi người một vẻ, chắc chắn là hai nhà văn xuất sắc nhất trong nền văn học hiện đại của ta ở nửa đầu thế kỷ XX" (Nguyễn Văn Hạnh); "Người kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực" (Phong Lê); "...để có một quan niệm đầy đủ về chủ nghĩa nhân đạo, cần trở lại những tư tưởng rất lớn của Mác, và ở ta nó được phát biểu đầu tiên bởi Nam Cao" (Hoàng Ngọc Hiến)...Điều đáng quan tâm trong lịch sử vấn đề nghiên cứu Nam Cao là các nhà nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh tính hiện đại của tác phẩm Nam Cao, và vị trí của Nam Cao trong cuộc canh tân văn học. Luận án đã điếm lại các ý kiến có liên quan đến đề tài dưới cái nhìn theo tư duy nghiên cứu mới của Vũ Tuấn Anh, Đào Tuấn Ảnh, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn, Trần Đăng Xuyền, Phạm Xuân Nguyên...và của nhà văn Nguyễn Minh Châu về tầm vóc và sức sống lâu bền của tác phẩm Nam Cao.

Mặc dù thành tựu nghiên cứu về Nam Cao ngày càng lớn, tuy nhiên, vẫn cần có một công trình có tính tổng hợp để nhìn lại một cách toàn diện, hệ thống vị trí văn học sử của Nam Cao trong sự vận động của một trào lưu văn học qua gần nửa thế kỷ đầy biến động với sự xuất hiện của nhiều phong cách đa dạng. Nhất là, vị trí Nam Cao với tư cách là người đưa ra và thể hiện một quan niệm mới có tính kế thừa và phát triển về chủ nghĩa hiện thực thì các công trình vẫn chưa đề cập đầy đủ. Vì vậy đây vẫn còn là công việc cần thiết cho người nghiên cứu, góp vào bức tranh toàn cảnh về nghiên cứu Nam Cao.

### **0.3. Đối tượng và giới hạn phạm vi nghiên cứu**

0.3.1. Luận án tập trung làm nổi bật những đóng góp mới mẻ (trong mối quan hệ so sánh với các nhà văn hiện thực khác) để từ đó xác định vị trí văn học sử của Nam Cao trong trào lưu văn học hiện thực Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945.

0.3.2. Vị trí của một nhà văn có thể được xác định trên nhiều bình diện, chẳng hạn, trong sự phát triển của một thể loại văn học; hoặc không chỉ trong một trào lưu mà còn được đặt trong cả một nền văn học v.v... Trường hợp vị trí Nam Cao cũng có thể được nhìn nhận trong cả tiến trình hiện đại hoá văn xuôi ở thế kỷ XX. Tuy nhiên, trong điều kiện của một đề tài luận án, chúng tôi tập trung đi sâu tìm hiểu vị trí Nam Cao trong trào lưu văn học hiện thực Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945.

0.3.3. Quá trình giải quyết đề tài sẽ động chạm đến một số phạm trù lí thuyết như khái niệm “ý thức nghệ thuật”, “chủ nghĩa hiện thực” và một số thuật ngữ liên quan. Do giới hạn của một luận văn về lịch sử văn học, vì thế, về lý luận văn học, tác giả chỉ đề cập ở mức độ giới thuyết vừa đủ để làm cơ sở cho việc triển khai vấn đề.

### **0.4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

#### *0.4.1. Mục đích*

Mục đích trung tâm của luận án là xác định vị trí văn học sử của Nam Cao trong trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1900 - 1945.

#### *0.4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án*

0.4.2.1. Khảo sát sự vận động của trào lưu hiện thực phê phán trong văn học Việt Nam như một quá trình phát triển về ý thức nghệ thuật từ tự phát đến tự giác mà Nam Cao là đỉnh cao và là đại biểu xuất sắc nhất.

0.4.2.2. Chứng minh, tuy cũng viết về hai đề tài phổ biến của văn chương đương thời là đề tài về người nông dân và người tiểu tư sản trí thức, nhưng sáng tác Nam Cao đã tạo ra một *loại hình chủ nghĩa hiện thực kiểu mới*, luận văn tạm gọi là “chủ nghĩa hiện thực tâm lí” để phân biệt với loại hình chủ nghĩa hiện thực thiên về tả chân phong hoá, thể sự trong sáng tác của các nhà văn đương thời.

0.4.2.3. Chứng minh, ở tất cả các cấp độ của văn bản, từ kết cấu cho tới trần thuật, trên các bình diện phương pháp nghệ thuật và thi pháp biểu hiện, Nam Cao đã sáng tạo ra một ngôn ngữ nghệ thuật hoàn toàn mới mẻ, đầy tính cách tân.

### **0.5. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

0.5.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống:

0.5.2. Phương pháp lôgic kết hợp với phương pháp lịch sử.

0.5.3. Phương pháp so sánh văn học.

0.5.4. Phương pháp phân tích và tổng hợp vấn đề.

### **0.6. Đóng góp của luận án**

0.6.1 Luận án là đề tài nghiên cứu đầu tiên xem xét trực diện và phân tích một cách toàn diện vị trí văn học sử của Nam Cao bằng cách đặt sáng tác của ông vào dòng chảy của tiến trình văn học hiện đại, trước hết là của trào lưu hiện thực từ đầu thế kỷ XX đến 1945.

Từ góc độ khai thác, đánh giá vị trí văn học sử của một nhà văn hiện thực - và cũng chỉ tập trung ở góc độ ấy - luận án cố gắng phân tích, so sánh làm nổi bật vai trò canh tân

độc đáo của Nam Cao trên cả 3 phương diện: ý thức nghệ thuật hiện thực; những khám phá mới mẻ, độc đáo về hiện thực và con người; và những đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật của Nam Cao, từ đó khẳng định vị trí đỉnh cao của nhà văn trong trào lưu văn học hiện thực Việt Nam.

0.6.2. Luận án cũng là đề tài nghiên cứu đầu tiên chứng minh, không chỉ là nội dung xã hội, mà chủ yếu là chiều sâu tư tưởng nghệ thuật và những khám phá mới về loại hình chủ nghĩa hiện thực cùng với những cách tân nghệ thuật độc đáo đã thực sự là những nhân tố quyết định vị trí văn học sử của Nam Cao.

## **0.7. Giới thiệu cấu trúc luận án**

Ngoài phần Mở đầu ( 23 trang), phần Kết luận ( 6 trang) và Danh mục Tài liệu tham khảo ( 18 trang), luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Nam Cao và một ý thức nghệ thuật hiện thực chủ nghĩa thật sự tự giác

Chương 2: Cái nhìn mới mẻ, độc đáo về hiện thực và số phận con người

Chương 3: Nam Cao và những đóng góp vào tiến trình hiện đại hoá văn xuôi hiện thực Việt Nam.

## **Chương 1**

### **NAM CAO VÀ MỘT Ý THỨC NGHỆ THUẬT HIỆN THỰC CHỦ NGHĨA THẬT SỰ TỰ GIÁC**

#### **1.1. Khái niệm ý thức nghệ thuật hiện thực và quá trình phát triển của ý thức nghệ thuật hiện thực trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945**

##### *1.1.1. Khái niệm ý thức nghệ thuật hiện thực*

Ý thức nghệ thuật được hiểu là những nhận thức và cảm nhận của nhà văn về xã hội và con người, thể hiện qua toàn bộ sáng tác nghệ thuật của mình. Trong văn học không thể có một thứ hiện thực tự nó, mà là một hiện thực đã được nhào nặn qua nhận thức và cảm thụ cá nhân người nghệ sĩ, thể hiện quan niệm của người nghệ sĩ về thế giới và về con người. Đối với nhà văn hiện thực, ý thức nghệ thuật gắn liền với nhận thức về thế giới bên ngoài, bao gồm thế giới tự nhiên, sinh hoạt xã hội và con người. Vì vậy, trong trường hợp này có thể gọi là *ý thức nghệ thuật hiện thực*.

Khái niệm ý thức nghệ thuật hiện thực có liên quan đến khái niệm chủ nghĩa hiện thực như một nguyên tắc phản ánh, mặc dù đây không phải là hai khái niệm đồng nhất. Luận văn đã nêu tóm tắt những đặc trưng quan trọng nhất của Chủ nghĩa hiện thực hiểu theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp, đặc biệt là định nghĩa kinh điển của Ăng-ghe-n về chủ nghĩa hiện thực, đồng thời, nêu ra những bước phát triển, bổ sung trong quan niệm về chủ nghĩa hiện thực. Bên cạnh chủ nghĩa hiện thực truyền thống, đã song song tồn tại những loại hình chủ nghĩa hiện thực khác, trong đó có loại hình chủ nghĩa hiện thực tâm lý với những đại diện xuất sắc như Ph.Đôtxtôiep-xki (1821-1884) và L.Tônxtôi (1828-1910) ở Nga.

Những khái niệm trên đây được sử dụng như một công cụ để tìm hiểu khả năng của nhà văn trong việc nhận thức và tái hiện cuộc sống vào tác phẩm, coi đó như một tiêu chí để xác định đặc điểm của tư duy nghệ thuật nhà văn, đồng thời là cơ sở lý thuyết để tác giả

luận văn vận dụng vào việc nghiên cứu vị trí Nam Cao với tư cách là nhà canh tân trong văn học hiện thực Việt Nam.

### *1.1.2. Quá trình phát triển của ý thức nghệ thuật hiện thực trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945*

Việc khảo sát sự phát triển của ý thức nghệ thuật hiện thực của nhà văn được tiến hành thông qua hai thể loại mới xuất hiện trong giai đoạn văn học đầu thế kỷ XX, đó là phóng sự và tiểu thuyết. Luận văn đã hệ thống lại các tác gia tiêu biểu, bắt đầu từ Hồ Biểu Chánh và một số tên tuổi như Biền Ngũ Nhy, Bửu Đình, Phú Đức v.v... ở Nam Bộ; và ở phía Bắc với Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Trọng Khiêm... để rút ra nhận xét: Những năm 20 của thế kỷ XX có thể coi là bước quá độ về ý thức nghệ thuật của nhà văn hiện thực. Ý thức về khuynh hướng sáng tác hiện thực chủ yếu thể hiện ở quan niệm: viết về sự thật, bằng bút pháp tả thực, cụ thể là sự thật Việt Nam, cảnh và người Việt Nam; tránh nói chuyện hoang đường vô lý; dùng tiếng nói trong đời sống thực; viết về những người bình thường, những chuyện đời thường... Đây là bước trưởng thành về ý thức nghệ thuật hiện thực so với văn học trung đại. Tuy nhiên, sự trưởng thành ấy vẫn chưa đưa các nhà văn này đến độ tự giác cao trong việc phản ánh, tái tạo cuộc sống khách quan theo những yêu cầu nghiêm ngặt của chủ nghĩa hiện thực.

Tiếp tục khảo sát ý thức về những nguyên tắc sáng tác của chủ nghĩa hiện thực được thể hiện qua phát biểu trực tiếp và thông qua hệ thống tác phẩm của các nhà văn hiện thực phê phán tiêu biểu *trước Nam Cao* như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng... luận văn rút ra nhận xét: các nhà văn tài năng nói trên đều phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam một cách chân thật, và họ đều là những nhà văn hiện thực xuất sắc; tuy nhiên, không phải ai cũng đạt tới ý thức thật sự tự giác về những nguyên tắc sáng tác của chủ nghĩa hiện thực. Có người sáng tác chủ yếu bằng kinh nghiệm, vốn sống cá nhân, bằng nhận thức trực quan, cảm tính. Cũng có trường hợp, nhà văn phát biểu quan niệm sáng tác tiến bộ theo quan điểm hiện thực nhưng thực tế tác phẩm lại chưa xây dựng được những hình tượng điển hình của chủ nghĩa hiện thực. Khá phổ biến là các nhà văn ít bộc lộ trực tiếp quan niệm của mình một cách hệ thống.

### **1.2. Nam Cao và một ý thức nghệ thuật hiện thực chủ nghĩa thật sự tự giác**

Ý thức nghệ thuật hiện thực của Nam Cao được khảo sát ở hai khía cạnh chủ yếu: *một là* thông qua tác phẩm; và *hai là* thông qua các phát biểu trực tiếp (những phát ngôn của chính tác giả, hoặc qua lời của nhân vật). Luận văn đã triển khai thành một hệ thống quan niệm nghệ thuật của Nam Cao với những biểu hiện cụ thể:

1.2.1. Về mặt đề tài, ông không chọn những bức tranh xã hội rộng lớn với những xung đột giai cấp dữ dội. Ông đã chọn những “góc khuất” của hiện thực để miêu tả, phản ánh. Tư duy phân tích - phân tích “tận đáy” cuộc sống và tâm lý con người - đã giúp ông góp thêm một góc độ quan sát mới, một tầm nhìn mới, chứng tỏ năng lực bao quát cuộc sống, sự từng trải và trình độ nhận thức sâu sắc của một cây bút có bản lĩnh. Các nhà nghiên cứu thường nói đến mảng “hiện thực đời thường”, đến yếu tố “cái hàng ngày” trong tác phẩm Nam Cao chính là đề cập đến nét độc đáo, sáng tạo trong việc khai thác hiện thực của ông.



1.2.2. Một biểu hiện quan trọng của ý thức nghệ thuật hiện thực ở Nam Cao, đó là nhà văn đã kết hợp được 2 bình diện nội dung: *hiện thực xã hội* và *hiện thực tinh thần, hiện thực tâm trạng, hiện thực tư tưởng*. Và cũng từ sự kết hợp này, nhà văn đã xây dựng được những *điển hình tâm lý* sinh động, sắc sảo. Đây cũng chính là phần đóng góp độc đáo của Nam Cao vào tiến trình hiện đại hoá của văn xuôi Việt Nam. Với Nam Cao, cái hiện thực cần khám phá nhất, đó là *hiện thực về con người*. Quan niệm sâu sắc về yêu cầu phản ánh hiện thực đã khiến Nam Cao vẫn tuân thủ những nguyên tắc của điển hình hoá, nhưng đặc sắc của ông là đã tập trung khai thác tính điển hình ở chiều sâu tâm lý.

1.2.3. Ý thức nghệ thuật hiện thực của Nam Cao còn biểu hiện ở chỗ ông đã thể hiện trong nhiều tác phẩm *mối quan hệ giữa hoàn cảnh và tâm lý tính cách của nhân vật*; trong đó Nam Cao khẳng định quan hệ quyết định giữa hoàn cảnh xã hội, môi trường sống đối với tâm lý, tính cách con người.

1.2.4. Tính tự giác cao trong ý thức nghệ thuật của Nam Cao không chỉ biểu hiện trong tác phẩm, tồn tại dưới dạng hình tượng nghệ thuật, mà còn được biểu hiện qua những phát biểu trực tiếp về *quan điểm nghệ thuật*. Quan điểm nghệ thuật hiện thực của Nam Cao được phát biểu thành hệ thống khá hoàn chỉnh dưới dạng tuyên ngôn, chứng tỏ ông là người có ý thức rất rõ rệt về hoạt động sáng tác văn học của mình. Luận văn đã rút ra một số nội dung của quan điểm nghệ thuật Nam Cao:

1.2.4.1. Sự tự ý thức của Nam Cao về văn học và trách nhiệm nhà văn; về tác động của những tác phẩm văn học chân chính trong việc nâng cao đời sống tâm hồn của con người, vươn tới những giá trị phổ quát có tính toàn nhân loại.

1.2.4.2. Quan niệm của Nam Cao về đối tượng phản ánh và thái độ phản ánh, về chỗ đứng của nhà văn hiện thực.

1.2.4.3. Nam Cao và vấn đề “đôi mắt”, thể hiện cái nhìn thấu đáo hiện thực và đi sâu phản ánh “biện chứng của tâm hồn”.

1.2.4.4. Quan điểm nghệ thuật hiện thực ở Nam Cao là sự kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa nhân đạo truyền thống.

Nam Cao không thoát ly vấn đề giai cấp, nhưng mối quan tâm của ông còn hướng tới vấn đề về nhân thế, về quyền sống, quyền làm người; về việc văn học phải làm gì để cứu vớt con người... Ông mong muốn giá trị nhân đạo của tác phẩm phải “vượt ra khỏi mọi bờ cõi và giới hạn”, mang giá trị toàn nhân loại.

Trong Chương này, luận văn cố gắng so sánh để tìm ra chỗ khác biệt giữa Nam Cao và các nhà văn hiện thực trước ông để khẳng định, với Nam Cao, ý thức nghệ thuật hiện thực đã được đẩy lên đến một trình độ tự giác rất cao. Đó cũng là một trong những căn cứ để khẳng định vị trí quan trọng của ông trong trào lưu văn học này.

## Chương 2

### CÁI NHÌN MỚI MẸ, ĐỘC ĐÁO VỀ HIỆN THỰC VÀ CON NGƯỜI

#### 2.1. Hiện thực và con người qua 2 đề tài phổ biến của văn chương đương thời : nông dân và tiểu tư sản trí thức

Luận văn đã phân tích cơ sở xã hội của việc hình thành hai đề tài phổ biến của văn học hiện thực 1930-1945, đó là *nông dân và tiểu tư sản trí thức*. Đây cũng là 2 đề tài xuyên suốt trong văn học hiện đại đầu thế kỷ XX.

Lần lượt phân tích nội dung tác phẩm của các nhà văn hiện thực trước Nam Cao, luận văn cố gắng tổng hợp những thành tựu đã đạt được với 2 đề tài này; đồng thời, bằng sự so sánh theo chiều đồng đại và lịch đại, làm toát lên nét độc đáo của Nam Cao trong việc “khơi những nguồn chữa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”.

#### 2.2. Nam Cao với những khám phá mới mẻ, độc đáo về hiện thực và số phận con người qua hai đề tài nông thôn, nông dân và tiểu tư sản trí thức

##### 2.2.1. Thế giới nông thôn trong tác phẩm Nam Cao

Đặc điểm trong cách tiếp cận hiện thực nông thôn và người nông dân của Nam Cao là *một nông thôn được nhìn tận đáy*. Nhà văn không dựng lên những bức tranh xã hội rộng lớn. Ông tập trung chọn lựa và đưa vào tác phẩm những sự việc hàng ngày lặng lẽ diễn ra trong xã hội nông thôn trước cách mạng để tự thân nó cảnh báo về một xã hội ngột ngạt, tù túng, qua đó tố cáo phủ nhận xã hội ấy.

Từ góc nhìn này, Nam Cao có dịp chiêm nghiệm và tái hiện một thế giới nông thôn khác lạ với những gì các nhà văn trước ông đã khai thác và phản ánh. Nam Cao không né tránh những vấn đề xã hội, giai cấp nóng bỏng, nhưng ông có ý thức sâu sắc về việc thể hiện những mâu thuẫn mang tính xã hội *gắn với vấn đề quyền sống, vấn đề phẩm giá con người* dưới tác động của môi trường.

Bên cạnh áp bức giai cấp, Nam Cao muốn cảnh tỉnh về một nguy cơ khác có thể huỷ hoại tâm hồn con người, khiến con người bị bủa vây bởi những thế lực vô hình làm cho nó không vùng thoát ra được, cuối cùng bị khuất phục trước hoàn cảnh. Có thể khẳng định chiều sâu triết học, tính nhân bản khi ông khai thác hiện thực nông thôn ở bình diện mới mẻ này.

Nam Cao cũng tập trung khai thác sâu vấn đề môi trường xã hội nông thôn bị “ô nhiễm” bởi những thói tục nguy hại, điều mà luận văn gọi là *môi trường “quần ngư tranh thực”* và một *môi trường đầy định kiến*. Điều quan trọng là Nam Cao đã giải thích bằng *nguyên nhân xã hội*, do tiêm nhiễm bởi tư tưởng của giai cấp thống trị. Nó đã làm cho người ta có lúc trở nên vô cảm một cách tàn nhẫn đối với những người cùng cảnh ngộ với mình. Cách tiếp cận hiện thực theo hướng trên đã giúp Nam Cao có thể khai thác chất liệu đời sống ở tầm mức rộng hơn và sâu hơn. Tính cách nhân vật trong tác phẩm của ông *không chỉ* bị chi phối bởi những vấn đề chính trị, những mối quan hệ giai cấp mà còn có các yếu tố khác mang tính chất thế sự, đời tư; kể cả những *bức xúc mang tính nhân bản* như vấn đề quyền sống con người, sự phát triển những giá trị người trong điều kiện môi trường xã hội lúc ấy, từ đó thức tỉnh tinh thần nhân văn trong người đọc.

### 2.2.2. Hình ảnh người nông dân trong môi suy tư về thân phận, số kiếp và phẩm giá con người

Nếu như ở Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, chúng ta có thể bắt gặp những gương mặt người trong đau khổ lầm than vẫn ánh lên vẻ đẹp hồn hậu chân chất, vẫn tiềm tàng một sức sống mạnh mẽ, thì với Nam Cao nỗi khổ ấy được hiện hình thông qua những *thân phận, những "kiếp người"* lay lắt, thoi thóp, sống không ra cuộc sống của con người. Nam Cao luôn bị ám ảnh bởi những "kiếp người". Ông hay để cho nhân vật của mình thở dài khi nói về cái "kiếp người".

Nam Cao khác biệt và sắc sảo ở một mảng nhân vật khác, đó là những nhân vật dị dạng, khác người, như trường hợp Chí Phèo, Thị Nở, Lang Rận, Mụ Lợi, Trạch Văn Đoàn... Ông luôn đặt nhân vật của mình trong thế chông chênh giữa người và vật, giữa nhân phẩm và phi nhân phẩm để qua đó ông bày tỏ niềm thương cảm sâu sắc với con người, kết án xã hội đã làm cho con người bị tha hoá.

Trong suy tư về người nông dân, Nam Cao luôn hiện ra như một trí tuệ bản khoản đi tìm ý nghĩa của *giá trị người*; phát hiện *nỗi khổ tinh thần* và nỗi khát khao *hạnh phúc tinh thần* của người lao động. Nam Cao cũng đã đặt ra sắc nét *vấn đề nhân phẩm người nông dân trước sức công phá của tình trạng đói nghèo và bản cùng hoá*. Nam Cao hay nói đến tình trạng con người bị lãng nhục, luôn gọi cho người đọc những suy nghĩ về ý thức nhân phẩm, về liêm sỉ của con người. Cùng với việc thấu hiểu và nêu bật những bức xúc chính trị trên số phận người nông dân - điều này nhiều nhà văn hiện thực phê phán khác đã rất thành công - Nam Cao muốn bày tỏ trên trang viết *nỗi bức xúc mang tính triết học về thân phận con người, về giá trị làm người* trong xã hội hỗn tạp lúc ấy.

Một nét đột phá của hình tượng người nông dân trong tác phẩm Nam Cao, làm nên giá trị nổi bật của vị trí Nam Cao khi viết về đề tài này, *đó là sự thức tỉnh quyền làm người* của những con người vốn bị áp bức về vật chất và tinh thần. Cùng với những hành động phản kháng tự phát chống lại áp bức, cường quyền trong các tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng..., hành động quyết liệt đòi quyền làm người của nhân vật trong tác phẩm Nam Cao là một bước tiến, một phát hiện mới mẻ, độc đáo về hình tượng nhân vật nông dân trong văn học hiện thực 1930 - 1945.

Hình tượng người nông dân trong tác phẩm Nam Cao không phải là những con người đơn giản mà được khắc hoạ với những nét tính cách đa dạng, phong phú, phức tạp, có cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Có thể nói, với Nam Cao, trong văn học xuất hiện hình ảnh đích thực về người nông dân với tất cả những nét tính cách cố hữu và tính cách con người xã hội của nó.

### 2.2.3. Người trí thức tiểu tư sản dưới cái nhìn nhân văn của Nam Cao

Bằng việc so sánh hình ảnh những nhân vật trí thức tiểu tư sản trong văn học trước Nam Cao, kể cả trong các tác phẩm Tự lực văn đoàn, luận văn đưa ra nhận định: Có thể nói, lần đầu tiên với Nam Cao, trong văn học đã xuất hiện nhân vật trí thức thật sự là trí thức với *sự kết hợp của 2 nét tính cách điển hình: con người trí thức và con người tiểu tư sản*.

Nhân vật trí thức xuất hiện trong tác phẩm Nam Cao với tư cách là *những nhân vật tư tưởng*, mặc dù đó chỉ là những nhà văn tinh lẻ, những giáo viên tiểu học đang sống cuộc

“đời thừa”, “sống mòn”. Đây là điểm mới và lớn trong cách nhìn nhận và thể hiện nhân vật trí thức trong ý thức nghệ thuật của Nam Cao. Lần đầu tiên, *những vấn đề của trí thức* được đặt ra một cách nghiêm túc qua cái nhìn sắc sảo của nhà văn. Đó là những băn khoăn day dứt về chân lý ở đời. Đó là khát vọng về quyền sống, về nhân phẩm, nhân cách của con người; là tư thế của con người có văn hoá v.v... Đặc biệt, từ trong thực trạng đời sống trí thức trong xã hội cũ, Nam Cao đã cất lên tiếng nói của một ý tưởng nhân đạo cao cả là làm sao để *phát triển tận độ năng lực* của con người.

Con người trí thức đã kết hợp với con người tiểu tư sản, làm nên tính chân thật và tính điển hình của nhân vật trí thức trong tác phẩm Nam Cao. Nhà văn đã đi sâu vào mọi góc ngách tinh vi của con người tiểu tư sản trong nhân vật trí thức nghèo để phanh phui tất cả những mâu thuẫn chứa đựng trong con người này. Đó là sự giằng xé giữa lý tưởng, khát vọng với thực tế khắc nghiệt; giữa đầu óc lãng mạn với hiện thực trần trụi; giữa nhân đạo và ích kỷ; giữa thái độ dũng cảm và sự hèn nhát; giữa trí thức sang trọng với tiền bạc vật chất tầm thường...Tiểu thuyết *Sống Mòn* cùng với các truyện ngắn xuất sắc khác như *Trăng sáng*, *Đời thừa*...đã hình tượng hoá một cuộc vật lộn bên trong của người trí thức tiểu tư sản để tự vượt mình.

Tính nhân văn trong cách đặt vấn đề về nhân cách trí thức trong tác phẩm Nam Cao thể hiện ở mối quan tâm thường trực của nhà văn về *tấn bi kịch tinh thần* của người trí thức trong xã hội cũ. Tất cả những mong ước, hoài bão, những vẻ đẹp tâm hồn đều trở thành ảo tưởng. Nhân vật tiểu tư sản của Nam Cao cuối cùng phải từ bỏ mơ ước của chính mình, chấp nhận một cuộc sống ngày càng “mòn ra, rỉ đi, mục ra”. Trong mỗi nhân vật như có hai con người, một con người của mơ mộng, hoài bão và một người khác bị thực tế ghì thấp xuống không sao ngóc lên được, đành li khai khỏi con người hoài bão trên kia. Nhân vật trí thức của Nam Cao luôn đau khổ vì ”cái hèn”, vì tình trạng”tha hoá”, đánh mất nhân phẩm của con người. Với Nam Cao, chủ đề về sự “tha hoá” của nhân vật trí thức tiểu tư sản được ông quan tâm đặc biệt. Các nhân vật của Nam Cao, mỗi truyện mỗi vẻ, là hiện thân của một tình trạng sống mòn mỗi có nguy cơ bị biến chất. Nhân vật luôn được đặt trong mối xung đột giữa hoàn cảnh và tính cách, và ta thường thấy nổi thất vọng thảm hại của nhân vật khi hoàn cảnh không dung nạp mình. Ở một số hình tượng đột xuất, Nam Cao đã thể hiện được tấn bi kịch của con người trong tình trạng tha hóa. Đây cũng chính là phần giá trị lớn của văn tài Nam Cao, là biểu hiện của tính hiện đại của tác phẩm Nam Cao.

Khi thể hiện những đề tài này, Nam Cao đã bộc lộ phong cách riêng của mình, đó là một cách thể hiện có vẻ lạnh lùng, dường như không thiên hướng, nhưng ý nghĩa triết lý từ câu chuyện lại có tác dụng mạnh mẽ giúp con người nhận dạng lại con người mình, ý thức rõ cảnh ngộ mà mình đang lâm vào, để từ đó thức tỉnh suy nghĩ, xác định thái độ đứng đắn dũng cảm vượt lên hoàn cảnh, chiến thắng hoàn cảnh. Và cũng từ đó, người đọc cũng hình thành một *cách đọc, cách hiểu* về Nam Cao.

### Chương 3

## NAM CAO VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀO TIẾN TRÌNH HIỆN ĐẠI HOÁ VĂN XUÔI HIỆN THỰC VIỆT NAM

### 3.1. Nam Cao và Chủ nghĩa hiện thực tâm lý

#### 3.1.1. Giới thuyết khái niệm

Khái niệm *Chủ nghĩa hiện thực tâm lý* được sử dụng trong luận văn để chỉ một *loại hình chủ nghĩa hiện thực mới* mà Nam Cao đã đóng góp vào văn học hiện thực Việt Nam, từ đó đã nâng tầm vóc của trào lưu văn học này. Đây là khái niệm để chỉ *một chủ nghĩa hiện thực đi sâu khám phá hiện thực của tâm hồn, khám phá "con người bên trong con người"*<sup>(1)</sup>. Chủ nghĩa hiện thực tâm lý ở Nam Cao không chỉ dừng ở việc mô tả tâm lý nhân vật mà là sự phân tích có tính triết luận về nội tâm con người. Nam Cao đã *tiếp cận tâm lý con người với ý thức triết học*.

#### 3.1.2. Nghệ thuật biểu hiện tâm lý nhân vật trong văn xuôi nói chung

Lần lượt phân tích nghệ thuật biểu hiện tâm lý nhân vật trong văn xuôi Việt Nam qua các giai đoạn văn học trước đó, luận văn đã khẳng định những thành tựu đã đạt được đồng thời cũng nêu lên những hạn chế để từ đó thấy rõ thêm những đóng góp của Nam Cao. Trong văn xuôi hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930 - 1939, bên cạnh những thành công trong việc đem đến cho người đọc những bức tranh tổng quát về cuộc sống và con người trong xã hội với những mâu thuẫn lớn lao, thì một mảng hiện thực quan trọng khác - hiện thực về con người với tất cả những khía cạnh tinh vi của nó chưa thật sự được các nhà văn nghiên ngẫm để phản ánh một cách đầy đủ.

#### 3.1.3. Nam Cao, nhà văn của chủ nghĩa hiện thực tâm lý

Với Nam Cao, *tâm lý nhân vật là điểm tựa của kiến tạo văn bản, nội tâm nhân vật là đối tượng miêu tả trực tiếp*. Tính cách nhân vật chủ yếu được khắc hoạ bằng đường dây tâm lý. Diễn biến câu chuyện không phụ thuộc vào sự kiện mà được dắt dẫn theo diễn biến của tâm lý nhân vật. Nhà văn không kể sự việc theo trật tự thời gian mà thuật lại theo dòng chảy của ý thức và tâm trạng. Chính sự phát triển của tâm lý nhân vật mới là yếu tố làm nên mạch tự sự của các truyện ngắn và tiểu thuyết Nam Cao.

Về mặt thi pháp hoàn cảnh, Nam Cao không chọn bối cảnh rộng lớn để đưa vào không gian tác phẩm như nhiều nhà văn hiện thực khác, mà thường là những không gian hẹp, rút ngắn khoảng cách thời gian thực tế để mở rộng không gian và thời gian tâm trạng.

Ngòi bút Nam Cao cũng đã đạt đến *nghệ thuật đỉnh cao về phân tích và trình bày những diễn biến tâm lý phức tạp*, những tâm trạng chứa chất nhiều mâu thuẫn, với những trạng thái như dở cười dở khóc, dở say dở tỉnh, tâm sự và gây sự, dữ dội và bình ổn, hồi ức và liên tưởng, thực và ảo, tỉnh và say, dọa nạt và đồng tình, dối hờn và tủi thân ... Những lớp từ ngữ đặc trưng: " Mất lão ằng ạng nước " " nước mắt ứa ra ồng ọng ", " thầy rân rân

<sup>1</sup> Theo Bakhchin (1895-1975), nhà mỹ học, lý luận văn học lỗi lạc của Liên Xô

nước mắt ", "mắt bu *àng ặng* nước", "khóc *ằng ặc* như người nuốt phải ngậm gì đắng quá, nó quánh vào cổ họng", "khóc *ngần ngặt*"... Và cười: " Cười *khành khạch* ", "cười *sằng sặc* ", " cười *hùng hực* ", " cười *sòng sọc* ", " tiếng cười nảy lên *đành đạch* ", " hấn ngửa mặt lên trời cười *ặc ặc* " v.v...

### 3.2. Kiến trúc tác phẩm nhiều tầng nghĩa

Tác phẩm Nam Cao bao giờ cũng mang hai bình diện nội dung : nội dung xã hội trực tiếp và nội dung trữ tình - triết lý. Chính vì vậy, tư tưởng tác phẩm thường rộng lớn hơn đề tài, nội dung tác phẩm mang nhiều tầng ý nghĩa; có khi viết về một vấn đề vụn vặt nhưng đều gọi cho người đọc nghĩ đến những vấn đề của xã hội, của nhân loại.

Đặc biệt, ông đã khai thác triệt để yếu tố "*Cái hàng ngày*", đưa nó vào trung tâm các câu chuyện. Khái niệm "*Cái hàng ngày*" sử dụng trong luận văn này bao hàm ý nghĩa chỉ những sự việc vụn vặt, chủ yếu liên quan đến cuộc sống riêng tư của các nhân vật. Chính tư duy phân tích - phân tích xã hội, phân tích tâm lý - của Nam Cao đã làm cho những "cái hàng ngày", "những truyện không có truyện" lại trở nên hấp dẫn đặc biệt bởi triết lý nhân sinh-xã hội toát lên từ những từ mảnh hiện thực đời thường như vậy.

Nam Cao đã thể hiện vai trò chủ động của chủ thể sáng tạo. Đọc Nam Cao, người đọc thấy rõ nhà văn đã tái tạo một cách sâu sắc cái "*hoàn cảnh nhỏ*", là nơi mà nhân vật trực tiếp sống, hành động, nghĩ suy, nhưng đồng thời qua đó, cũng hình dung ra được "*hoàn cảnh lớn*" (chữ dùng của Hoàng Ngọc Hiến)

### 3.3. Nghệ thuật trần thuật biến hoá đa dạng

#### 3.3.1. Lời nửa trực tiếp - phương thức trần thuật ưu trội ở Nam Cao

Lời nửa trực tiếp trong ngôn ngữ văn xuôi là lời trần thuật nhưng ẩn dưới dưới lời nhân vật, thể hiện bằng giọng điệu nhân vật nhằm bộc lộ thế giới nội tâm. Đây là phương thức trần thuật phổ biến trong tác phẩm Nam Cao. Ở đây có sự kết hợp, đan xen nhuần nhuyễn và tinh tế giữa ngôn ngữ tác giả, người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, tạo ấn tượng về sự hiện diện của ý thức nhân vật đối với người đọc, đồng thời tạo điều kiện để người đọc thâm nhập được vào suy nghĩ của nhân vật. Nam Cao đặc biệt gây ấn tượng so với nhiều tác giả văn xuôi hiện thực bởi việc sử dụng phổ biến lời nửa trực tiếp trong sáng tác của mình. Giọng điệu tự sự ở Nam Cao đã được "đa thanh hóa", giọng tác giả và giọng nhân vật đan xen, hòa trộn. Thành công của Nam Cao đã mở đầu cho một xu hướng tiểu thuyết mới ở Việt Nam trong những thập kỷ về sau này.

#### 3.3.2. Nam Cao trong trường hợp ngôi trần thuật là tác giả

Đây là phương thức có tác dụng đề cao chủ thể sáng tạo. Trong văn xuôi Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945, lối kể chuyện có cá tính từng bước được hoàn thiện và phát huy, đặc biệt với các tác gia hiện thực 1930 đến 1945 mà đỉnh cao là các sáng tác của Nam Cao. Tiêu chí để khẳng định tính hiện đại trong nghệ thuật trần thuật là chuyển từ kể theo lối "phi ngã" sang lối kể chuyện có cá tính, mang đậm dấu ấn của cái tôi cá nhân người kể.

Nam Cao đã sáng tạo ra các chủ thể kể chuyện có cá tính, sáng tạo ra cách kể nhằm giúp người đọc nghiền ngẫm để "hiểu đời": kể theo tinh thần phân tích, kể về nhân vật trong quá trình biến đổi, kể về những biến cố khổ đau bất hạnh của nhân vật. Ông đã kết hợp hài hoà giữa chủ thể kể chuyện và chủ thể trữ tình. Điểm nhìn trần thuật cũng luôn

được thay đổi: từ điểm nhìn khách quan chuyển sang điểm nhìn chủ quan. Có khi nhân vật “tôi” xuất hiện trực tiếp với giọng trữ tình thống thiết. Giá trị thẩm mỹ của lối trần thuật này là ở chỗ: Chất văn xuôi trần trụi chuyển tải những vấn đề xã hội trực tiếp đã gắn với chất thơ của giọng trữ tình triết lý, tạo nên hiệu quả nghệ thuật rất cao.

### 3.3.3. Dòng ý thức - Độc thoại nội tâm

Kỹ thuật *dòng ý thức*, hoặc *dòng lương tri* (stream of consciousness) là thuật ngữ được các nhà nghiên cứu văn xuôi hiện đại rất coi trọng để làm công cụ khám phá tính cách nhân vật. Đây là quan niệm “động” về tâm lý, trong đó tư tưởng nhân vật luôn luôn lướt từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác như dòng sông chảy không ngừng. Dòng ý thức gắn liền với độc thoại nội tâm, là cách nhân vật tự nói chuyện với chính mình, gần như không có sự can thiệp của tác giả. Đây là biện pháp nghệ thuật rất phổ biến ở Nam Cao. Để biểu đạt hình thức độc thoại nội tâm, nhà văn sử dụng hàng loạt yếu tố nghệ thuật như : câu văn không theo trật tự cú pháp, có thể đảo ngược thời gian hoặc hoà trộn thực hư, hiện tại, quá khứ, tương lai... Từ việc miêu tả dòng ý thức, mạch văn luôn biến hoá linh hoạt, không thể đoán trước được diễn biến thế nào. Ngay cả về cấu trúc ngôn ngữ, đoạn văn trước cũng không dẫn dắt tới đoạn văn sau và ngược lại. Tất cả đều được sáng tạo theo diễn biến của dòng suy tưởng của nhân vật.

Yêu cầu thể hiện dòng ý thức và độc thoại nội tâm đã quy định cách kể chuyện cũng phải thường xuyên biến hoá. Có lúc nhịp kể chậm giúp người đọc nghiền ngẫm về cuộc đời. Thời gian không theo tuyến một chiều mà có thể đảo ngược, hoặc đồng hiện. Không gian tác phẩm cũng không cố định theo một mặt phẳng, có người đã nói tới không gian “lập thể”. Có lúc ngôn ngữ trần trụi của đời thường nhưng cũng nhiều khi lời kể mang vẻ đẹp tu từ; ngôn ngữ mang tính đa nghĩa, nhiều lớp, nhiều tầng, gợi liên tưởng sáng tạo. Có những đoạn đối thoại ngầm, có những câu đối thoại trực diện, hỏi-đáp nhưng cũng nhiều trường hợp hỏi mà không cần lời đáp. Kết thúc những câu chuyện mang dòng hồi tưởng thường là kết thúc mang tính mở, gợi suy nghĩ, gợi sự đánh giá nhiều chiều.

Một nghệ thuật trần thuật biến hoá đa dạng như thế chỉ có thể có được trên cơ sở của một quan niệm mới mẻ và rất hiện đại về văn học, xem văn học như một hoạt động sáng tạo, một kiểu ứng xử, một kiểu quan hệ của con người đối với thế giới. Điều đó có thể tìm thấy ở Nam Cao.

## KẾT LUẬN

1. Trào lưu văn học hiện thực Việt Nam, khởi phát từ đầu thế kỷ XX, phát triển đến độ chín muồi trong giai đoạn 1930-1945 với những tác gia tiêu biểu mà tên tuổi sẽ còn sống mãi cùng lịch sử văn học dân tộc. Kế thừa, tiếp nối là quy luật của văn học. Nhưng mặt khác, văn học cũng không thể tồn tại nếu không có những đỉnh cao tiêu biểu. Việc tìm ra những đỉnh cao ấy là nhiệm vụ mang tính thực tiễn - khoa học và có ý nghĩa nhiều mặt. Những nỗ lực của luận văn này là nhằm làm sáng tỏ vị trí văn học sử của Nam Cao với tư cách là một trong những đỉnh cao tiêu biểu như vậy; một đỉnh cao vừa mang dấu ấn của truyền thống đồng thời cũng là sự cách tân để có những đóng góp thật sự xứng đáng vào công cuộc hiện đại hoá nền văn học nước nhà.

2. Một trong những tiêu chí đánh giá và khẳng định vị trí của một nhà văn trong tiến trình văn học, đó là chất lượng của tư duy nghệ thuật, là ý thức tự giác sâu sắc về những nguyên tắc có tính định hướng cho sáng tạo nghệ thuật của mình. Nam Cao là trường hợp khá đặc biệt về phương diện này. Ông là nhà văn hiện thực ý thức rất rõ và hoàn toàn tự giác về khuynh hướng nghệ thuật của mình, và những quan niệm ấy đã được ông phát biểu thành một hệ thống khá hoàn chỉnh. Không những thế, Nam Cao đặc biệt chú ý thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật mối quan hệ biện chứng giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật; đồng thời, đã chọn lọc một cách công phu đến từng chi tiết, và mỗi chi tiết đều góp phần bộc lộ chủ đề tác phẩm. Có thể nói, Nam Cao xứng đáng được xem là người đã đưa trào lưu văn học hiện thực Việt nam đạt đến trình độ tự giác cao về ý thức nghệ thuật, cả trong quan niệm và trong thực tiễn sáng tác.

3. Nam Cao xuất hiện khi văn đàn Việt Nam đã có mặt những tên tuổi nhà văn đàn anh nổi tiếng trên hai đề tài quan trọng và phổ biến lúc ấy là đề tài nông dân và trí thức tiểu tư sản. Ông không theo những lối mòn có sẵn mà dấn thân vào con đường đầy thử thách chông gai nhằm “khơi những nguồn chưa ai khơi, sáng tạo những gì chưa có”. Với Nam Cao, đã có sự thay đổi, chuyển hướng về phạm vi phản ánh hiện thực; không quá thiên vào việc miêu tả những bức tranh hiện thực rộng lớn với những mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn xã hội mà tiếp cận hiện thực ở những khía cạnh tinh vi của đời sống cá nhân và những quan hệ thế sự đan xen nhau, dặt nên bức tranh cuộc sống đầy phức tạp, tinh tế, đa dạng; đặc biệt ông đã đi sâu khám phá chiều sâu tâm hồn con người, kể cả phần bản năng của nó.

4. Cùng với những thay đổi về quan niệm hiện thực, Nam Cao cũng đã có những chuyển biến sâu sắc trong quan niệm nghệ thuật về con người. Con người của đời thường đã bổ sung phong phú thêm cho con người của giai cấp, của một tầng lớp xã hội trong văn học giai đoạn trước. Nhân vật được phân tích và "giải phẫu" một cách khách quan với hai mặt tốt xấu đan xen, tuy nhiên trong đó luôn ẩn dấu một cái nhìn nhân đạo của tác giả. Lần đầu tiên, với Nam Cao, trong văn học hiện thực đã có được hình ảnh người nông dân với tất cả tính chất phức tạp, đa dạng, nhiều chiều, được soi thấu bởi một cái nhìn mang chiều sâu triết lý và tiếng nói nhân đạo sâu sắc. Và cũng lần đầu tiên nhân vật trí thức được khắc hoạ một cách tinh tế, sắc sảo, chứa đựng trong nó những vấn đề của trí thức cũng như những mâu thuẫn phức tạp trong con người tiểu tư sản. Nhân vật trí thức tiểu tư sản của Nam Cao xuất hiện trong tác phẩm với tư cách là *những nhân vật tư tưởng*.

5. Sự thay đổi, chuyển hướng trong quan niệm về hiện thực và về con người tất yếu đã dẫn đến những đổi mới trong nội dung hệ thống thi pháp của Nam Cao. Về phương diện sáng tạo nghệ thuật, Nam Cao đã có những đóng góp quan trọng, làm nên vị trí nổi bật của ông trên tiến trình hiện đại hoá các thể loại văn xuôi từ đầu thế kỷ XX đến 1945. Chủ nghĩa hiện thực Nam Cao không đi ra ngoài những nguyên tắc của chủ nghĩa hiện thực nói chung nhưng cũng không thuần tuý theo lối “tả chân” mà khai thác hiện thực ở chiều sâu số phận nhân vật, tìm kiếm những sự thật tiềm ẩn đằng sau những mâu thuẫn hiện diện trong xã hội, khám phá hiện thực tâm hồn con người. Điều đó cho phép chúng ta nói tới một “chủ nghĩa hiện thực tâm lý” ở Nam Cao. Khả năng phân tích sâu sắc hiện thực thay cho lối kể tả đã làm cho tác phẩm Nam Cao mang kết cấu nhiều tầng nội dung, nhiều tầng



ý nghĩa, đa thanh. Sự cách tân của Nam Cao còn thể hiện ở kết cấu, ngôn ngữ, giọng điệu. Đến Nam Cao, văn xuôi Việt Nam đã có thêm giọng văn mang tính “phức điệu”, phù hợp với lối phân tích tâm lý nhiều chiều, nhiều tầng, gần gũi với xu thế văn xuôi hiện đại.

6. Từ vị trí của Nam Cao trong giai đoạn 1940-1945 nhìn lại giai đoạn văn học trước ông, có thể nói Nam Cao vừa là người tiếp thu nhưng đồng thời cũng là người đã đem đến cho văn học hiện thực Việt Nam những điều thật sự mới mẻ chưa từng có, cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện, nhất là về tư duy nghệ thuật. Điều đó đã khẳng định vị trí của ông trong trào lưu văn học này với tư cách là người phát triển và hoàn thiện nó.

Cũng từ vị trí đó của Nam Cao để nhìn tiếp tới giai đoạn văn học sau 1945, người ta vẫn nhận ra vai trò canh tân quan trọng của ông, người đã kết thúc vẻ vang trào lưu văn học hiện thực đồng thời cũng là người đóng góp xứng đáng trong sự đổi mới văn học kéo dài suốt mấy thập kỷ sau này. Nam Cao thực sự có vị trí tiêu biểu xuất sắc nhất trong giai đoạn mà ông đã sống và sáng tác, nhờ thế, như một lẽ tự nhiên, ông vẫn khẳng định vị trí của mình trong văn học hôm nay.

=====